

Số: **328** /BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **05** tháng **4** năm 2023

## BÁO CÁO

### Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 01 tháng 3 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2023)

#### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

- Thời tiết từ ngày 01 tháng 3 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2023: Nhiệt độ trung bình khu vực Nam bộ 27,5°C - 28,5°C. Giá trị tổng lượng mưa 10 - 20mm.

- Dự báo tình hình thời tiết từ ngày 01 - 30 tháng 4 năm 2023: Xu thế nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức xấp xỉ so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình khu vực Nam bộ 28,5°C - 29,5°C. Xu thế lượng mưa: Tổng lượng mưa phổ biến ở mức thấp hơn so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Giá trị tổng lượng mưa 50 - 100mm.

#### a) Cây lúa Vụ Đông xuân 2022 – 2023

Cây lúa Vụ Đông xuân 2022 – 2023		Cây lúa Vụ Hè thu 2023	
Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Mạ	-	Mạ	200
Đẻ nhánh	-	Đẻ nhánh	-
Làm đồng	31	Làm đồng	-
Trổ	179	Trổ	-
Chín	524	Chín	-
Thu hoạch	3.414	Thu hoạch	-
<b>Tổng</b>	<b>4.148</b>	<b>Tổng</b>	<b>200</b>

#### b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
<b>1. Cây rau Đông xuân 2022-2023</b>		<b>6.777,7</b>	<b>2. Hoa, cây kiểng</b>	Nhiều giai đoạn	<b>1.699,8</b>
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.673,1	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	340
- RALDN	-		Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	556,3	<b>3. Cây lương thực</b>	Nhiều giai đoạn	<b>381,4</b>
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	436,1	Bắp	Sinh trưởng	314,0
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	254,3	Khoai mì	Sinh trưởng	65,4
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	193,5	<b>4. Cây công nghiệp</b>	Nhiều giai đoạn	<b>1.319</b>
- RMN	Nhiều giai đoạn	2.141,3			

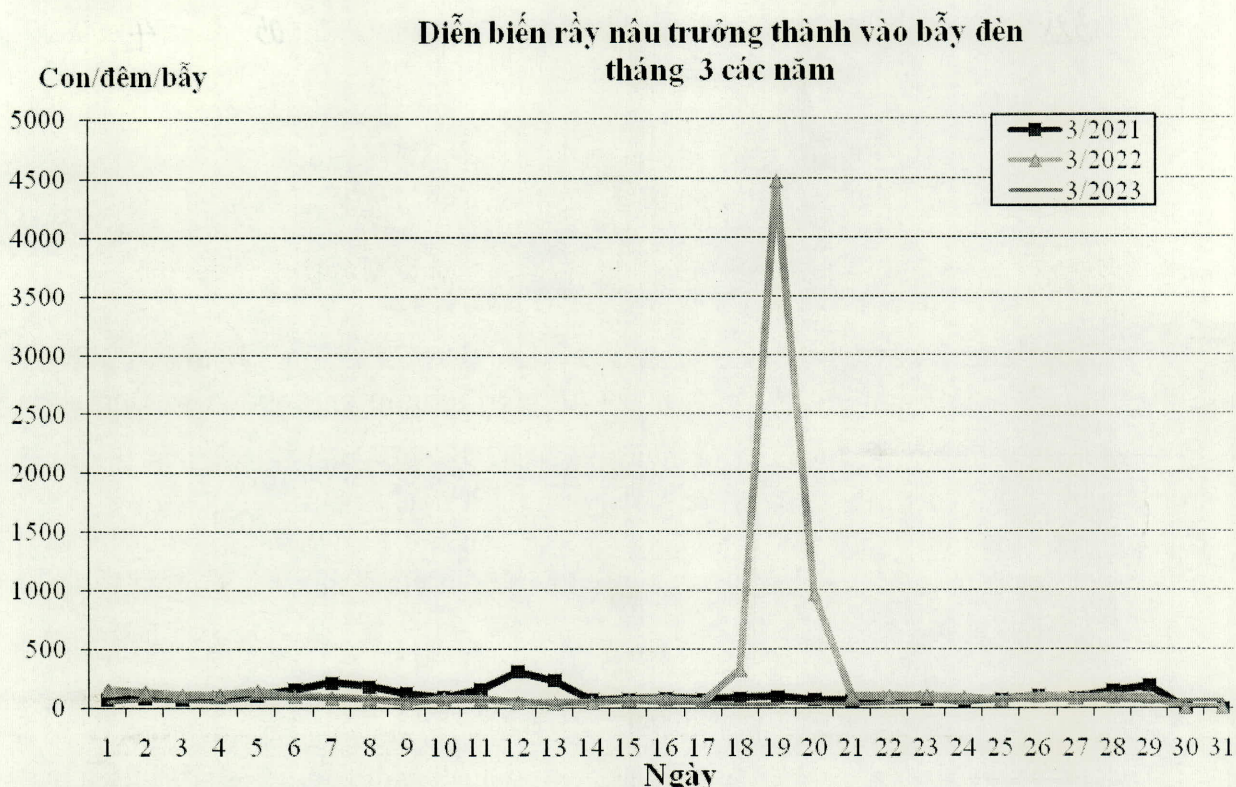
Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước



## II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU VÀ THIÊN ĐỊCH

### 1. Số liệu theo dõi côn trùng (rầy nâu) vào bẫy đèn tháng 3/2023

Loại bẫy: bẫy đèn quạt hút trên cây lúa



## III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

### 1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại (SVGH) chủ yếu

#### 1.1 Cây lúa vụ Đông xuân 2022 - 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	HM, CC
2	Bọ xít hôi	3-5			1-3	HM, CC
3	Sâu phao	1-5			1-5	HM
4	Đạo ôn	3-10			1-3	HM, CC, BT
5	Đốm vằn	3-5			1-3	CC
6	OBV	3-10			Các giai đoạn	HM, CC
7	Chuột	3			Các giai đoạn	HM, CC, BT
8	Vàng lá	2-10			1-3	BT
9	Lem lép hạt	1-5			1-3	HM

Ghi chú: OBV: Ốc bươu vàng; CC: Củ Chi, BC: Bình Chánh, HM: Hóc Môn, BT: Bình Tân, TĐ: Thủ Đức, Q12: Quận 12



## 1.2 Cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM, CC
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	CC, BC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	HM, BC, CC
10	Rầy xám	100 ->500			1-5	TĐ, HM, Q12
11	Bọ phấn	2-10			1-5	CC
12	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
13	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
14	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC, CC
15	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
16	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM, Q12, BC
18	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
19	Đốm lá	2-5			1-3	HM, Q12, BC
20	Ph.vàng/dừa leo, khô qua	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM

## 2. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

### 2.1 Cây lúa vụ Đông xuân 2022 - 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa trong tháng là 810 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (924,4 ha). Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: sâu cuốn lá, bọ xít hôi, OBV, chuột, bệnh đạo ôn, bệnh đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Bọ xít hôi: gây hại trên 14,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (53,9 ha).
- Sâu cuốn lá: gây hại trên 9,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (56,4 ha).
- OBV: gây hại trên 747,0 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (673,0 ha).
- Chuột: gây hại trên 12,6 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (51,5 ha).
- Bệnh đạo ôn: gây hại trên 15,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (58,4 ha).
- Bệnh đốm vằn: gây hại trên 9,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (31,0 ha).

### 2.2 Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tháng là 631,6 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (692,4 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 1.525,1 lượt ha. Các sinh



vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn, đốm lá, vàng lá và ốc bươu vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: gây hại trên 125,2 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (146,3 ha).
- Sâu xanh: gây hại trên 70,6 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (63,7 ha).
- Bọ nhảy: gây hại trên 25,4 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (24,7 ha).
- Rầy xám: gây hại trên 22,4 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (59,9 ha).
- OBV: gây hại trên 208,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (218,6 ha).
- Bệnh rỉ trắng: gây hại trên 35,8 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (56,1 ha).
- Bệnh vàng lá: gây hại 7,9 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (2,3 ha).
- Bệnh thối nhũn: gây hại trên 7,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (11,5 ha).
- Bệnh đốm lá: gây hại 10,6 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (14,5 ha).

### 2.3 Cây hoa kiểng

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trong tháng là 27,8 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (44,3 ha). Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng là 26,8 ha chiếm 96,5% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại phổ biến trên hoa lan là muỗi đục nụ, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh đốm lá...; trên cây hoa mai là nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá, sâu đục thân, bệnh cháy lá, ... Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- *Cây hoa lan*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 12,6 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (9,6 ha)

- *Cây hoa mai*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 14,6 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (33,9 ha).

- *Cây hoa khác*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 0,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (2,8 ha).

### 2.4 Cây trồng khác

Cây khoai mì: Tổng diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá là 0,5 ha, chiếm 0,76% diện tích gieo trồng (65,4 ha). Bệnh gây hại chủ yếu ở mức độ nhẹ dưới 30% và gây hại chủ yếu trên các giống khoai mì KM505 (0,5 ha).

Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

## IV. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

### 4.1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

#### a) Cây lúa

- Cần phải thường xuyên theo dõi mật số rầy trên đồng ruộng và mật số rầy vào đèn để chủ động trong công tác phòng trừ rầy nâu trên lúa. Khuyến cáo nông dân thăm đồng, khi thấy rầy tuổi 2 - 3 xuất hiện với mật số cao (>3 con/tép), có thể sử dụng một



trong các thuốc bảo vệ thực vật chống lệt xác nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam để phun trừ. Không nên phun phòng rầy, đặc biệt đối với các trà lúa <40 ngày sau sạ để bảo vệ nguồn thiên địch sẵn có trên đồng và tránh dịch hại bùng phát vào giai đoạn sau. Các địa phương chuẩn bị xuống giống lúa Hè Thu 2023 cần chuẩn bị giống tốt, làm đất kỹ, thời gian xuống giống theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn.

- Các loại bệnh hại: Cần thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của bệnh hại trên đồng. Cần chú ý bệnh đạo ôn, đốm vằn trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng trổ, bệnh đạo ôn cổ bông, lem lép hạt giai đoạn lúa đòng trổ - chín. Ở những ruộng trồng giống nhiễm, gieo sạ dày, bón thừa phân đạm hoặc đã nhiễm đạo ôn lá ở giai đoạn trước trổ cần chủ động phun ngừa bệnh đạo ôn cổ bông, lem lép hạt để bảo vệ năng suất, phẩm chất lúa.

- Ngoài ra, cũng cần lưu ý chuột hại trên các trà lúa đang ở giai đoạn đòng - trổ chín; sâu cuốn lá nhỏ xuất hiện từ giai đoạn đẻ nhánh - đòng; bọ xít hôi ở giai đoạn đòng - trổ chín.

### **b) Cây rau**

- *Rau ăn lá*: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ, dòi đục lá. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như thối nhũn, gỉ trắng trên cây rau muống.

- *Rau ăn quả*: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

### **c) Cây hoa kiểng**

- *Cây hoa lan*: cần lưu ý một số bệnh hại thường phát sinh gây hại như bệnh khô đầu lá, thối nhũn, đốm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ...

- *Cây hoa mai*: cần lưu ý phòng trị sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh cháy lá.

### **d) Các loại cây trồng khác**

- *Cây khoai mì*: Tiếp tục theo dõi bệnh khảm lá virus trên cây khoai mì vụ Đông xuân 2022 - 2023. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sản giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- *Cây bắp*: Cần lưu ý sâu keo mùa thu... trên bắp ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trổ cờ. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đốm lá, chuột,...

- *Cây dứa*: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

## **4.2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

- Theo dõi tình hình xuống giống lúa vụ Hè Thu 2023.



- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

**Nơi nhận:**

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Tp.Thủ Đức, Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT, Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



**Trương Công Lực**



**Phụ lục I**  
**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LỬA**  
 (Kèm theo Báo cáo **TRỒNG VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT** của **TRƯỜNG TRẠI TTBVTY**, ngày **05** tháng **4** năm 2023 của Chi cục TTBVTY)



**1. Vụ Đông xuân 2022 – 2023**

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	9,5			9,5	91,0	56,4		HM, CC
2	Bọ xít hôi	14,9			14,9	81,7	53,9		HM, CC
3	Sâu phao	0,3			0,3	1,3	0,2		HM
4	Đạo ôn	15,5			15,5	98,3	58,4		HM, CC, BT
5	Đốm vằn	9,0			9,0	71,0	31,0		CC
6	OBV	747,0			747,0	879,0	673,0		HM, CC
7	Chuột	12,6			12,6	112,3	51,5		HM, CC, BT
8	Vàng lá	1,0			1,0	1,0	-		BT
9	Lem lép hạt	0,2			0,2	-	-		HM
	<b>Tổng</b>	<b>810,0</b>			<b>810,0</b>	<b>1336,6</b>	<b>924,4</b>		

**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**



(Kèm theo Báo cáo số: **528** /BC-CCTTBVTY, ngày **05** tháng **4** năm 2023 của Chi cục TTBBVTY)

**Phụ lục II**  
**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU**

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	Số sánh DTN (+/-)			DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Năng	MT		Kỳ trước	CKNT	(9)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
1	Bọ nhầy	25,4	+		25,4	26,5	24,7	63,1	HM, Q12, BC, BT	
2	Sâu xanh	70,6	-		70,6	62,6	63,7	166,2	HM, Q12, CC, BC, BT	
3	Sâu tơ	17,6	-		17,6	17,6	14,4	40,7	TĐ, HM, Q12, BC, BT	
4	Dòi đục lá	20,4	+		20,4	15,4	4,7	37,8	HM, CC	
5	Sâu đục trái	1,8	-		1,8	1,8	1,6	7,2	BC	
6	Sâu ăn tạp	125,2	-		125,2	120,0	146,3	300,1	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT	
7	Bọ trĩ	21,8	-		21,8	15,8	20,0	48,2	CC, BC	
8	Rầy mềm	1,3	-		1,3	1,3	1,8	4,8	BC, BT	
9	Rầy xanh	17,2	+		17,2	15,2	26,1	32,6	HM, BC, CC	
10	Rầy xám	22,4	-		22,4	24,7	59,9	41,9	TĐ, HM, Q12	
11	Bọ phấn	12,0	+		12,0	10,0	8,1	25,0	CC	
12	Sâu đục đọt	1,1	-		1,1	1,2	1,6	4,4	BC	
13	Bọ xít đen	4,0	+		4,0	4,0	1,0	-	TĐ	
14	Ruồi đục trái	18,6	-		18,6	11,5	10,6	50,3	BC, CC	
15	OBV	208,5	-		208,5	208,5	218,6	546,8	TĐ, HM, Q12	
16	Ốc sên	0,6	-		0,6	0,6	0,5	2,0	Q12, BC	
17	Tinhăn/r.cải	7,7	-		7,7	10,5	11,5	16,8	HM, Q12, BC	
18	Rỉ trắng/RM	35,8	-		35,8	37,5	56,1	94,5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT	
19	Đóm lá	10,6	-		10,6	10,0	14,5	25,1	HM, Q12, BC	
20	Ph. vàng/dưa leo, khổ qua	1,1	-		1,1	2,3	4,4	2,0	HM	
21	Vàng lá	7,9	-		7,9	7,2	2,3	15,5	TĐ, HM	
	<b>Tổng</b>	<b>631,6</b>			<b>631,6</b>	<b>604,2</b>	<b>692,4</b>	<b>1.525,1</b>		

**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**



**Phụ lục III**  
**TỔNG HỢP ĐIỂM TÍCH NIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN HOA LAN CÂY KIẾNG**  
 (Kèm theo Báo cáo kết quả kiểm tra và bảo vệ thực vật) /BC-CCTTBVT, ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Chi cục TTBTVT)



STT	Tên SVGH	Diện tích (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ 1b *	Nhệ 1b *	Nhệ 1b *		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>I</b>	<b>Hoà lan</b>	<b>12,55</b>			<b>12,55</b>	<b>11,46</b>	<b>9,61</b>	<b>11,69</b>	
1	Muối hại bông	5,09			5,09	4,88	4,17	4,92	TĐ, HM, CC, BC, BT, CG, Q7
2	Nhện đỏ	0,3			0,3	0,3	0,2	0,3	BC
3	Rệp vảy	0,12			0,12	0,12	0,12	0,07	CC, BC
4	Bọ trĩ	0,56			0,56	0,55	0,6	0,46	CC, BC
5	Ốc sên	0,2			0,2	0,2	0,2	0,2	TĐ, CG
6	Đóm lá	2,59			2,59	3,12	1,98	2,38	TĐ, HM, Q12, CC, CG, Q7
7	Khô đầu lá	1,45			1,45	0,15	0,25	1,45	CG, Q7
8	Thối nhũn	0,92			0,92	0,92	0,88	0,79	CC, BC, CG, Q7
9	Đóm đen	0,42			0,42	0,42	0,41	0,32	CC
10	Vàng lá	0,7			0,7	0,6	0,6	0,6	BC
11	Bọ cánh cứng	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	BC
12	Rêu xanh	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	TĐ
<b>II</b>	<b>Hoà mai</b>	<b>14,53</b>			<b>14,53</b>	<b>12,04</b>	<b>33,87</b>	<b>11,04</b>	
1	Nhện đỏ	2,42			2,42	2,1	2,79	2,37	TĐ, HM, Q12, CC, CG
2	Sâu ăn lá	2,95			2,95	2,55	11,42	2,94	TĐ, HM, Q12, CC, BC, CG
3	Bọ trĩ	3,43			3,43	2,93	3	2,72	TĐ, HM, Q12, CC, CG, BC
4	Sâu đục thân	0,05			0,05	0,08		0,05	HM
5	Rầy xanh	0,8			0,8	0,1		0,1	BC
6	Chầy lá	1,43			1,43	1,73	6,21	1,31	TĐ, CC
7	Mốc cam	0,35			0,35	0,35	0,35	0,35	CG
8	Nấm hồng	1,1			1,1	0,2	0,21	0,2	BC, BT
9	Rong rêu	1			1	2	10	1	TĐ
<b>III</b>	<b>Cây hoa khác</b>	<b>0,69</b>			<b>0,69</b>	<b>0,69</b>	<b>2,8</b>	<b>0,67</b>	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>27,77</b>			<b>27,77</b>	<b>24,19</b>	<b>44,27</b>	<b>17,07</b>	

**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**





5

4

7